

Tinh hoa thiền học Trúc Lâm thời Trần đến tinh thần nhập thế của Cư sĩ Thiều Chửu

ISSN: 2734-9195 07:45 03/12/2025

Như vậy, từ tinh hoa Thiền học Trúc Lâm thời Trần đến tinh thần nhập thế của cư sĩ Thiều Chửu là một mạch nguồn xuyên suốt, cho thấy sự trường tồn của một lý tưởng: phụng sự dân tộc cũng chính là phụng sự Phật pháp.

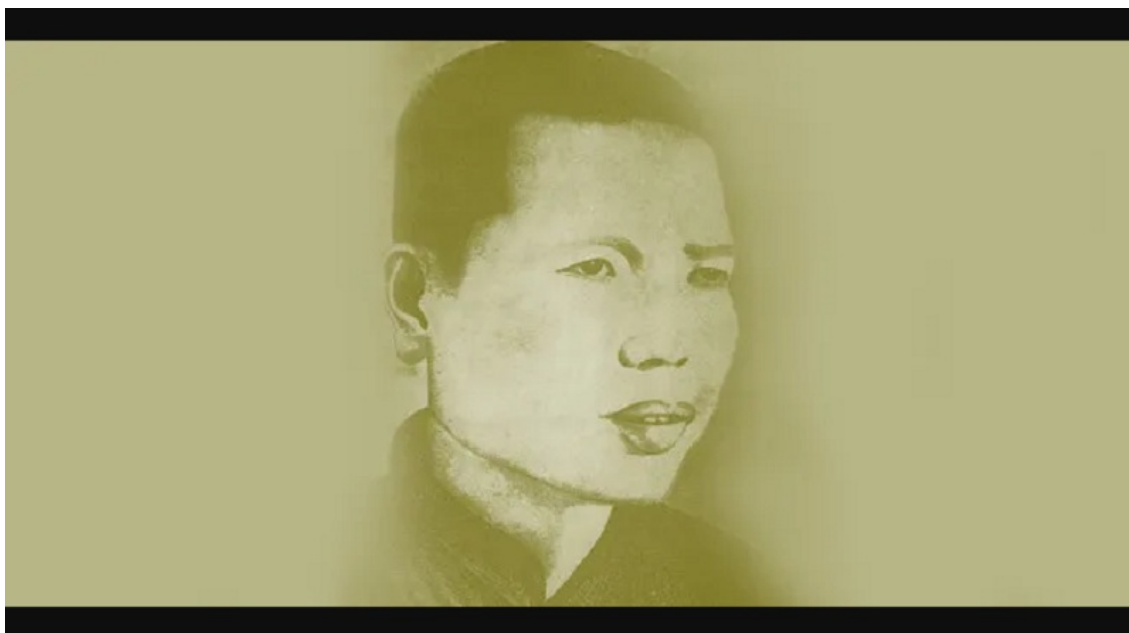
Tác giả: **Ths. Trần Tất Quyển (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Dẫn nhập

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, tinh thần nhập thế luôn là một đặc trưng nổi bật, vừa mang dấu ấn của bối cảnh lịch sử, vừa phản ánh sự sáng tạo, thích ứng của Phật giáo với vận mệnh dân tộc. Một trong những đỉnh cao của truyền thống này chính là Thiền phái Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông sáng lập, một Thiền phái kết hợp nhuần nhuyễn giữa tinh hoa Phật học Đại thừa với tinh thần yêu nước, nhập thế, gắn đạo với đời.

Sau nhiều thế kỷ, lý tưởng ấy vẫn tiếp tục soi đường cho những hành trạng nhập thế của Phật giáo, nhất là trong thời kỳ hiện đại khi đất nước đứng trước cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong dòng chảy ấy, cư sĩ Thiều Chửu (Nguyễn Hữu Kha, 1902-1954) nổi lên như một tấm gương tiêu biểu.



Cư sĩ Thiệu Chử (Nguyễn Hữu Kha, 1902-1954). Ảnh: Internet

Xuất thân trong hoàn cảnh đất nước còn chìm trong ách đô hộ, cuộc đời ông là sự kết hợp giữa tinh thần Phật học uyên thâm, đạo hạnh nghiêm cẩn với lý tưởng nhập thế, phụng sự dân tộc. Đặc biệt, giai đoạn ông tản cư ở Đồng Tâm (Đồng Hỷ-Thái Nguyên) trong kháng chiến chống Pháp đã để lại nhiều dấu ấn đậm nét: vừa là nhà nghiên cứu Phật học, vừa là nhà giáo dục, nhà hoạt động xã hội, một cư sĩ gắn bó mật thiết với nỗi đau và khát vọng của dân tộc. Nghiên cứu đề tài “Từ tinh hoa Thiền học Trúc Lâm thời Trần đến tinh thần nhập thế của cư sĩ Thiệu Chử” vì vậy không chỉ là sự khảo cứu một mối liên hệ lịch sử - tư tưởng, mà còn có ý nghĩa soi sáng cho hiện tại: Phật giáo Việt Nam hôm nay cần học gì từ truyền thống ấy để tiếp tục đóng góp cho dân tộc trong bối cảnh mới.

2. Tinh hoa Thiền học Trúc Lâm và truyền thống Phật giáo nhập thế

Thiền phái Trúc Lâm ra đời trong bối cảnh lịch sử dân tộc đang ở đỉnh cao của tinh thần độc lập tự chủ và ý chí chống ngoại xâm. Sau ba lần kháng chiến chống quân Nguyên - Mông thắng lợi, đất nước Đại Việt bước vào một kỷ nguyên mới, trong đó hệ tư tưởng Phật giáo, vốn đã thấm sâu trong xã hội ngay từ thời Lý, sang đến thời Trần đã đạt đến độ chín muồi của một hệ thống tư tưởng gắn liền với vận mệnh quốc gia. Vua Trần Nhân Tông, sau khi lãnh đạo nhân dân hai lần kháng chiến thành công, đã lui về Yên Tử tu hành, sáng lập Thiền phái Trúc Lâm. Tinh thần của Thiền Trúc Lâm không chỉ thuần túy nằm ở vấn đề giải thoát cá nhân, mà còn đặc biệt chú trọng mối liên hệ giữa trong và ngoài, giữa sự tu tập cá nhân và trách nhiệm xã hội. Ở đây, Phật pháp không xa

lìa cuộc sống, mà trái lại, sự giác ngộ của mỗi cá nhân phải gắn liền với sự an lạc, hưng thịnh của vận mệnh dân tộc. Chính vì vậy có thể nói, đặc sắc của tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm là tinh thần Phật giáo nhập thế, là một mô hình kết hợp nhuần nhuyễn giữa đạo và đời.

Điểm đặc biệt đó của Phật giáo Trúc Lâm là đã tạo nên một bản sắc Việt cho Phật giáo. Nếu như Thiền học Trung Hoa hay Ấn Độ thường nghiêng về tư duy triết học hoặc sự tu chứng cho giải thoát cá nhân, thì Trúc Lâm lại đề cao tinh thần “cư trần lạc đạo”, “tùy duyên mà hành đạo”, tức là sống giữa cuộc đời nhưng vẫn giữ được tinh thần giải thoát. Sự giải thoát không phải trốn tránh cuộc đời mà là làm chủ tâm mình ngay trong đời, từ đó đem tâm hồn giải thoát, đức từ bi vô ngại mà phục vụ xã hội. Đặc biệt, qua hình tượng của vua Trần Nhân Tông, đã trở thành một biểu tượng tiêu biểu cho Thiền Trúc Lâm: một bậc minh quân vừa lo việc nước vừa tu hành giác ngộ, để lại tấm gương sáng về sự hòa quyền giữa trí tuệ chính trị và trí tuệ tâm linh.

Chính tinh thần ấy đã trở thành dòng chảy xuyên suốt, ảnh hưởng mạnh mẽ đến truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam sau này. Nhiều thế hệ Phật tử, tu sĩ và cư sĩ đều lấy lý tưởng Trúc Lâm làm điểm tựa: “sống giữa đời mà vẫn giữ được đạo”, “phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật”. Trong bối cảnh hiện đại, khi đất nước bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ, tinh thần nhập thế Trúc Lâm lại một lần nữa trở thành nguồn động viên tinh thần, soi sáng con đường cho các nhà sư yêu nước, các cư sĩ trí thức, trong đó có cư sĩ Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha.

3. Hành trạng Thiều Chửu trong bối cảnh lịch sử dân tộc và thời kỳ áp Đổng Tâm-Đổng Hỷ, Thái Nguyên

Cư sĩ Thiều Chửu, tên thật là Nguyễn Hữu Kha, sinh năm 1902 tại làng Trung Tự, phường Đông Tác cũ, nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội. Ông trưởng thành trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, xã hội ngột ngạt bởi đầy rẫy những bất công và khổ đau. Từ thuở nhỏ, mặc dù sống trong cảnh túng thiếu, bần hàn, nhưng Thiều Chửu đã nổi bật bởi tinh thần hiếu học, niềm say mê kinh sách Hán Nôm và giáo lý Phật giáo. Ngay từ những năm 1930, khi phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ khởi sắc, cư sĩ Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha đã sớm tham gia với vai trò một cư sĩ nhiệt thành, đóng góp trí tuệ và công sức cho sự nghiệp chấn chỉnh nề nếp Tăng già, cải tổ việc hoằng pháp và khuyến học. Ông cộng tác với các tạp chí Phật học, viết sách dịch kinh để phổ biến giáo lý nhà Phật theo tinh thần giản dị, dễ hiểu. Trong cùng bối cảnh ấy, tại Hà Nội, ông cùng bà

Cả Mọc đã khởi xướng việc nuôi dạy trẻ mồ côi ngay từ những năm trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Nhờ trí tuệ mẫn tiệp và nghị lực tự học phi thường, ông sớm trở thành một học giả uy tín, để lại nhiều công trình quan trọng như Hán Việt Từ điển, Thuật ngữ Phật học, các bản dịch kinh điển quan trọng trong Đại Tạng Kinh sang chữ Quốc ngữ. Đặc biệt, ông không chỉ làm công việc dịch thuật thuần túy, mà còn chú trọng diễn giải, bình chú để đưa Phật pháp đến gần hơn với quảng đại quần chúng.

Năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, nhưng ngay sau đó thực dân Pháp quay lại xâm lược, buộc nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Trong khói lửa ấy, hàng vạn gia đình tản cư từ đô thị ra chiến khu. Cư sĩ Thiều Châu cũng rời Hà Nội, đưa gia quyến lên ấp Đồng Tâm, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên - vùng chiến khu kháng chiến trọng yếu của Việt Bắc. Tại đây, ông bắt đầu một giai đoạn mới: không chỉ là học giả và dịch giả kinh điển, mà còn là một cư sĩ nhập thế điển hình, đem toàn bộ tinh thần và hành động phụng sự để gắn bó với vận mệnh đất nước.



Hình mang tính minh họa. Nguồn: Facebook

Ở ấp Đồng Tâm, cuộc sống vô cùng thiếu thốn: lương thực khan hiếm, thuốc men cạn kiệt, bom đạn thường xuyên rình rập. Thế nhưng, cư sĩ Thiều Chửu không sống ẩn dật hay chỉ lo cho riêng mình. Ông cùng gia đình, cùng các sư, các em nhỏ dấn thân vào sản xuất, cuốc đất, trồng khoai, làm ruộng, nuôi gà, trồng rau để tự cung tự cấp. Hình ảnh một trí thức nhỏ nhắn, áo vải nâu sồng, tay cày tay cuốc trên những đồi sẵn ruộng khoai khiến đồng bào địa phương vừa ngạc nhiên vừa cảm phục. Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn nơi tản cư, đã có rất nhiều người nản chí, bằng nhiều con đường tìm cách trở về thành, nhưng cư sĩ Thiều Chửu vẫn một lòng kiên trì ủng hộ chính sách tản cư của Chính phủ, chính tấm gương lao động bền bỉ của ông đã khích lệ cho rất nhiều người khác noi theo, góp phần hình thành phong trào “tự lực cánh sinh” tại nơi tản cư, ủng hộ phong trào kháng chiến.

Một đóng góp quan trọng khác của Thiều Chửu là mở lớp dạy học. Trong bối cảnh chiến tranh loạn lạc, trẻ em mồ côi, thất học rất nhiều. Ngoài các em đi tản cư cùng Thiều Chửu từ Hà Nội lên, ông đứng ra thu nhận hàng chục trẻ mồ côi, nuôi ăn, dạy chữ, rèn đạo lý. Lớp học đơn sơ trong mái nhà lá nhưng chan chứa ánh sáng trí tuệ và lòng nhân ái. Ông không chỉ dạy chữ Quốc ngữ, chữ Hán, mà còn giảng kinh Phật, rèn luyện đạo đức, khơi dậy lòng yêu nước trong tâm hồn trẻ thơ. Như nhiều nhân chứng sau này kể lại, ông thường nhắc học trò: “Học để làm người, học để cứu nước, học để cứu dân”. Đây chính là tinh thần nhập thế của Phật giáo, không xa rời thực tiễn, mà đặt giáo dục, nhân ái và phụng sự xã hội lên hàng đầu.

Ngoài việc dạy học, ông còn tận tụy dịch thuật, biên soạn kinh điển. Những năm ở ấp Đồng Tâm, Thiều Chửu tiếp tục chỉnh lý và hoàn thiện bản Hán Việt Từ điển - một công trình đồ sộ, đặt nền móng cho nghiên cứu Hán học và Phật học Việt Nam hiện đại. Điều đáng chú ý là toàn bộ công việc ấy được ông tiến hành trong điều kiện hết sức thiếu thốn: giấy mực khan hiếm, phải chép tay; đèn dầu leo lét, bom đạn dồn dập. Thế nhưng, ông kiên trì làm việc, coi đó như một cách “hành đạo” - dùng trí tuệ để cống hiến cho mai sau.

Điểm đặc biệt trong hành trạng nhập thế của Thiều Chửu chính là tinh thần từ bi cụ thể hóa thành hành động xã hội. Việc nuôi dưỡng trẻ mồ côi không chỉ là lòng nhân từ cá nhân, mà còn là một lựa chọn mang tính chiến lược: nuôi dưỡng, giáo dục thế hệ tương lai giữa lòng kháng chiến. Ông từng nói với các con: “Làm cách mạng không chỉ là cầm súng ngoài mặt trận, mà còn là cứu dân, để người khác bớt khổ”. Câu nói ấy cho thấy ông đã nhận thức Phật pháp như một sức mạnh tinh thần đồng hành cùng sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Nhân dân ấp Đồng Tâm vẫn còn lưu truyền hình ảnh một cư sĩ giản dị, khắc khổ, nhưng chan chứa tình thương. Ông sống thanh bần, thường nhường phần cơm ngon cho trẻ nhỏ, ngày ăn một bữa, chỉ ăn rau, ăn cháo. Ông chữa bệnh bằng những bài thuốc dân gian, khuyên người dân giữ gìn vệ sinh, dạy họ cách tự chăm sóc sức khỏe trong hoàn cảnh thiếu thốn. Có thể nói, ông vừa là một cư sĩ Phật giáo, vừa là một “thầy giáo”, một “thầy thuốc” và một “người cha chung” của trẻ mồ côi ở ấp Đồng Tâm.

Trong bối cảnh chiến tranh, những đóng góp của Thiều Chửu không thể cân đo bằng chiến công nơi chiến trận, nhưng giá trị của ông lại nằm ở chỗ khác: ông đã gieo trồng trí tuệ, đạo đức và nhân ái cho cộng đồng. Ông đã biến tinh thần Phật giáo nhập thế thành hiện thực sống động trong từng việc làm cụ thể. Như vậy, hành trạng của Thiều Chửu tại ấp Đồng Tâm là sự tiếp nối trực tiếp lý tưởng “cư trần lạc đạo”, “hòa quang đồng trần” của Thiền phái Trúc Lâm: sống giữa đời, gắn bó với đời, và xem việc phụng sự chúng sinh chính là con đường tu hành cao nhất.

4. So sánh tinh thần nhập thế thời Trần và cư sĩ Thiều Chửu

Khi đối chiếu tinh thần nhập thế của Thiền phái Trúc Lâm với hành trạng Thiều Chửu, ta nhận ra một sự tương đồng sâu sắc, mặc dù bối cảnh lịch sử đã khác nhau hàng trăm năm. Vào thời Trần, tinh thần nhập thế thể hiện ở việc nhà vua, nhà sư đều gắn vận mệnh của mình với dân tộc, cùng nhân dân chống giặc ngoại xâm, xây dựng đất nước. Sự giác ngộ của người tu hành không tách rời trách nhiệm chính trị, trách nhiệm xã hội. Đến thời Thiều Chửu, trong bối cảnh kháng chiến chống Pháp, tinh thần nhập thế lại hiện ra dưới hình thức một cư sĩ trí thức: thay vì cầm quân chống giặc như Trần Nhân Tông, ông cầm bút, cầm cuốc, mở lớp, nuôi trẻ. Đó là sự nhập thế bằng lao động, bằng giáo dục, bằng phục vụ cộng đồng trong hoàn cảnh kháng chiến gian khổ.

Khi đối chiếu tinh thần nhập thế của Thiền phái Trúc Lâm với hành trạng của cư sĩ Thiều Chửu, có thể nhận ra một mối liên hệ nội tại: cùng một cội nguồn “cư trần lạc đạo” được triển khai trong hai bối cảnh lịch sử khác nhau. Ở thời Trần, hạt nhân tư tưởng là “hòa quang đồng trần”: đem trí tuệ giác ngộ thấm vào việc trị nước, an dân. Vua, sư, trí thức đồng thời là những chủ thể chính trị, trách nhiệm quốc gia và hạnh nguyện Bồ-tát quyện vào nhau: đánh giặc cứu nước, rồi dựng nền trị bình, lấy “an dân” làm thước đo của đạo hạnh. Đến thế kỷ XX, Thiều Chửu tiếp nhận tinh thần ấy nhưng chuyển hóa thành “nhập thế từ đời thường”: thay vì cầm quân hay nắm triều chính, ông chọn con đường của một

cư sĩ trí thức, dùng lao động, giáo dục và từ thiện làm phương tiện hành đạo. Nói cách khác, cùng một lý tưởng “Phật pháp bất ly thế gian giác”, song hình thức thể hiện đối khác: thời Trần thiên về chính trị-quân sự; thời kháng chiến thiên về xã hội-giáo dục-văn hóa.

Trực so sánh thứ nhất là chủ thể hành động. Trần Nhân Tông là minh quân hóa thân thiền sư; quyền lực thế tục giúp ông tổ chức, điều phối sức dân theo tinh thần từ bi-trí tuệ. Thiều Chửu lại là cư sĩ không quyền lực, “dấn thân từ tầng lớp dưới”: sống giữa dân vùng tản cư, làm nông dệt vải ở ấp Đồng Tâm (Đồng Hỷ, Thái Nguyên), mở lớp chữ Hán, Quốc ngữ, nuôi trẻ mồ côi, khuyến khích tăng gia sản xuất,... Ở ông, đức từ bi hiện hình trong những việc nhỏ mà bền bỉ: một luống khoai, một vạt sắn, một lớp học tranh tre. Sự khác biệt về vị thế khiến phương tiện nhập thế khác nhau, nhưng cùng nhắm đến một mục đích cứu kính: ích quốc, lợi dân.



Hình mang tính minh họa

Trực so sánh thứ hai là phương pháp tu-hành. Thiền phái Trúc Lâm đặt trọng tâm “tu ngay trong đời sống”, xem việc trị nước an dân là pháp tu của bậc sĩ-thần. Thấm nhuần tư tưởng thiền gia “nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”, Thiều Chửu thực hiện phương châm “lao động như thiền”, “bán nhật thường trụ, bán nhật tư kỷ”, biến nhọc nhằn thường nhật thành khuôn phép tu thân: làm mà không chấp công, thi ân mà không cầu báo, dạy học như phương tiện gieo trí tuệ. Ở Yên Tử, “đối cảnh vô tâm” được diễn giải trong không gian của triều chính và thiền viện; ở ấp Đồng Tâm, “đối cảnh vô tâm” là khả năng an trú giữa thiếu thốn, bom đạn, vẫn bền chí nuôi người, nuôi chữ, nuôi hy vọng.

Trục so sánh thứ ba là công cụ nhập thế. Thời Trần, công cụ là tổ chức chính trị-quân sự, nghi lễ quốc gia và pháp độ; thời hiện đại Thiều Chửu sử dụng công cụ là chữ quốc ngữ, lớp bình dân học vụ, tự lực sản xuất, cứu tế trẻ mồ côi. Từ đó, có thể thấy một bước phát triển của truyền thống: tinh thần Trúc Lâm không hề mất mà “hóa thân” theo thời đại, chuyển từ “Phật giáo của quốc gia” sang “Phật giáo giữa nhân dân”, từ quyền lực trung ương sang sức mạnh cộng đồng. Nhờ vậy, sợi dây liên tục không bị đứt đoạn: một bên dựng nền trị bình sau ba lần kháng chiến; bên kia dựng nền đời sống văn hóa-đạo đức nơi hậu phương, giữa một cuộc kháng chiến mới.

Sau cùng, điểm hội tụ là tiêu chuẩn đánh giá đạo hạnh: cả Trúc Lâm lẫn Thiều Chửu đều xem hạnh phúc của con người làm thước đo tối hậu. “Phụng sự chúng sinh tức cúng dường chư Phật” ở thời Trần là an bang hộ quốc; ở thời Thiều Chửu là cứu khổ, nâng trí, bồi dưỡng giống nòi. Chính sự tương ứng ở tầng sâu ấy cho phép ta gọi hành trạng của Thiều Chửu là sự tiếp nối sáng tạo tinh thần nhập thế Trúc Lâm trong hoàn cảnh hiện đại.

5. Đóng góp của cư sĩ Thiều Chửu cho Phật giáo và dân tộc

Những đóng góp của Thiều Chửu cho Phật giáo và dân tộc có thể nhìn nhận trên nhiều phương diện. Trước hết, trên lĩnh vực Phật học, ông để lại một gia tài trước tác, dịch thuật phong phú, góp phần đặt nền móng cho việc phổ biến Phật học bằng chữ Quốc ngữ. Với ông, việc dịch kinh Phật không chỉ là một công trình học thuật, mà còn là sự cống hiến cho tương lai của Phật giáo Việt Nam, giúp kinh sách trở nên gần gũi, dễ tiếp cận với quần chúng. Đây chính là một biểu hiện của tinh thần nhập thế trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục.

Thứ hai, trên phương diện xã hội, Thiều Chửu là tấm gương về sự gắn bó với đời sống nhân dân. Những năm tháng ở ấp Đồng Tâm, ông lao động sản xuất cùng đồng bào tản cư, nuôi dưỡng trẻ mồ côi, mở lớp dạy học. Đó là những hành động thiết thực, góp phần củng cố sức mạnh của hậu phương kháng chiến. Sự nhập thế của ông không phải những lý thuyết suông, mà là những công việc cụ thể, đem lại lợi ích cụ thể cho mọi người.

Thứ ba, trên phương diện đạo đức, cuộc đời Thiều Chửu là một tấm gương sáng về nhân cách của một cư sĩ. Ông sống thanh bần, không màng danh lợi, chỉ một lòng phụng sự Phật pháp và nhân dân. Trong bối cảnh xã hội có nhiều xáo trộn, sự trong sạch, tận tụy của ông càng trở nên quý giá, là nguồn động viên tinh thần cho nhiều người.

Cuối cùng, trên phương diện lịch sử, Thiều Chửu đã góp phần làm giàu thêm cho truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Ông là cầu nối giữa tinh thần Trúc Lâm thời Trần và thời hiện đại, là minh chứng cho sự tiếp nối sáng tạo của Phật giáo Việt Nam trong những giai đoạn lịch sử cam go.

6. Giá trị thời đại và bài học lịch sử

Nhìn lại cuộc đời và sự nghiệp của cư sĩ Thiều Chửu, ta nhận ra một sự hội tụ kỳ diệu giữa tinh hoa Thiền học Trúc Lâm và tinh thần nhập thế trong bối cảnh hiện đại. Nếu như Trúc Lâm là đỉnh cao của Phật giáo nhập thế thời trung đại, thì Thiều Chửu là một minh chứng tiêu biểu cho Phật giáo nhập thế trong thời kỳ hiện đại. Cuộc đời ông không chỉ làm phong phú thêm truyền thống đạo - đời của dân tộc, mà còn để lại những bài học sâu sắc cho hôm nay.

Bài học lớn nhất chính là: Phật giáo chỉ có thể phát huy ý nghĩa đích thực của mình khi gắn bó mật thiết với đời sống dân tộc, khi đem tinh thần từ bi và trí tuệ để phục vụ nhân sinh. Thiều Chửu đã chứng minh rằng, dù là một cư sĩ, không có địa vị chính trị, ông vẫn có thể góp phần vào công cuộc kháng chiến bằng lao động, giáo dục, văn hóa và đạo đức. Trong bối cảnh ngày nay, khi đất nước bước vào hội nhập, Phật giáo càng cần tiếp nối tinh thần ấy: nhập thế không chỉ là tham gia vào các công tác xã hội, mà còn là đem ánh sáng Phật pháp soi chiếu, hướng dẫn đời sống tinh thần cho cộng đồng.

Như vậy, từ tinh hoa Thiền học Trúc Lâm thời Trần đến tinh thần nhập thế của cư sĩ Thiều Chửu là một mạch nguồn xuyên suốt, cho thấy sự trường tồn của một lý tưởng: phụng sự dân tộc cũng chính là phụng sự Phật pháp. Lý tưởng ấy là di sản quý báu mà hôm nay và mai sau cần tiếp tục kế thừa, phát huy.

Tác giả: **Ths. Trần Tất Quyển**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1] Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập III, Nxb Văn học, Hà Nội.

- 2] Thích Thanh Tứ (2001), *Một số vấn đề về Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- 3] Trần Văn Giàu (1993), *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- 4] Nguyễn Hữu Sơn (2007), “Tinh thần nhập thế của Thiền phái Trúc Lâm và ý nghĩa lịch sử”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5, tr. 45-52.
- 5] Trần Đình Hượu (1991), “Nho giáo và Phật giáo trong đời sống tinh thần Việt Nam”, *Tạp chí Văn học*, số 4, tr. 12-23.
- 6] Trương Thái Du (2019), “Thiếu Chử Nguyễn Hữu Kha - bi kịch của một vị Bồ Tát (phần 1)”, *Nghiên cứu quốc tế*, <https://nghiencuuquocte.org/2019/05/02/thieu-chuu-nguyen-huu-kha-bi-kich-cua-mot-vi-bo-tat-p1/> (truy cập ngày 15/8/2025).
- 7] Trương Thái Du (2019), “Thiếu Chử Nguyễn Hữu Kha - bi kịch của một vị Bồ Tát (phần 2)”, *Nghiên cứu quốc tế*, <https://rosetta.vn/short/2019/05/24/thieu-chuu-nguyen-huu-kha-bi-kich-cua-mot-vi-bo-tat-p2/> (truy cập ngày 15/8/2025).